TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 27-02-2018.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Lê Quốc Quân;

Ông Võ Văn Dũng.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa***:** Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 380/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07-02-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 13, xã D, huyện C, tỉnh N; tạm trú: Số 017A, tổ 1, ấp 1, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt;

- Bị đơn: Ông Trần Đình H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã X, huyện L, tỉnh H; tạm trú: Số 017A, tổ 1, ấp 1, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị L trình bày: Bà Chu Thị L và ông Trần Đình H tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân. Ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh N (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày 22-3-2017).

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên

uống rượu rồi về nhà gây sự và xúc phạm bà L. Bà L đã nhiều lần khuyên ông H thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông H không thay đổi. Bà L xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Chu Thị L được ly hôn với ông Trần Đình H.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của bà Chu Thị L và ông Trần Đình H;

- Bản sao sổ hộ khẩu gia đình của ông Trần Đình H và bà Chu Thị L;

- Bản sao sổ đăng ký khách tạm trú của cơ sở kinh doanh Lương Tấn Kiệt;

Bị đơn ông Trần Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông H vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 13-10-2017 của Ủy ban nhân dân xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì ông Trần Đình H có đăng ký tạm trú và sinh sống tại ấp 1, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; về mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Bà Chu Thị L và ông Trần Đình H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh N (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày 22-3-2017). Bà Chu Thị L yêu cầu ly hôn vì ông H thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây sự, xúc phạm bà L. Bà L đã nhiều lần khuyên ông H thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông H không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà L xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chu Thị L có đơn khởi yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình H nên đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Trần Đình H có địa chỉ tạm trú tại ấp 1, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Trần Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 30-10-2017; 22-12-2017 nhưng ông H vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Trần Đình H tham gia phiên tòa ngày 07-02-2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông H tham gia phiên tòa vào ngày 27-02-2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do là ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị L và ông Trần Đình H là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại xã D, huyện C, tỉnh N (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày 22-3-2017), đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Trần Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông H hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét mâu thuẫn giữa bà Chu Thị L và ông Trần Đình H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Chu Thị L yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[4]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[7]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị L về việc ly hôn với ông Trần Đình H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị L được ly hôn với ông Trần Đình H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Chu Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013286, ngày 25-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Chu Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Đình H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA dân sự thị xã TU;
- UBND xã D;
- L: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm